

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế trong xuất khẩu hàng hóa sang  
Philippines trong năm 2024**

**Hà Nội, 2024**

## **I. Tổng quan về quan hệ thương mại Việt Nam – Philippines**

Philippines hiện là đối tác thương mại lớn thứ 16 trên thế giới và lớn thứ 6 trong ASEAN của Việt Nam; trong khi đó Việt Nam là nhà cung ứng hàng hóa lớn thứ 9 của Philippines trên thế giới và lớn thứ 5 trong khu vực ASEAN. Hai nước Việt Nam và Philippines có thuận lợi về khoảng cách địa lý và sự tương đồng về văn hóa tiêu dùng... đó đó, đây là thị trường còn nhiều tiềm năng đối với các sản phẩm hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

Bên cạnh đó, Philippines là quốc gia không có những yêu cầu quá khắt khe về chất lượng hàng hóa dịch vụ, vì vậy hàng Việt xuất khẩu vào thị trường này sẽ có nhiều thuận lợi hơn so với một số thị trường khó tính khác như EU hay Hoa Kỳ. Một số mặt hàng Việt Nam xuất khẩu sang Philippines gồm nông sản, thủy hải sản, bánh kẹo, hàng dệt may, máy móc, thiết bị ... Trong đó, mặt hàng nông sản, đặc biệt gạo, luôn chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu xuất khẩu của Việt Nam sang Philippines.

Theo số liệu thống kê, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Philippines trong tháng 11/2024 đạt 530,66 triệu USD. Ước tính tổng kim ngạch xuất khẩu cả năm 2024 sẽ vào khoảng 6,23 tỷ USD. Việt Nam vẫn giữ vững vị thế là một đối tác thương mại quan trọng của Philippines nhờ vào các nhóm hàng chủ lực như nông sản, hàng tiêu dùng và nguyên liệu công nghiệp.

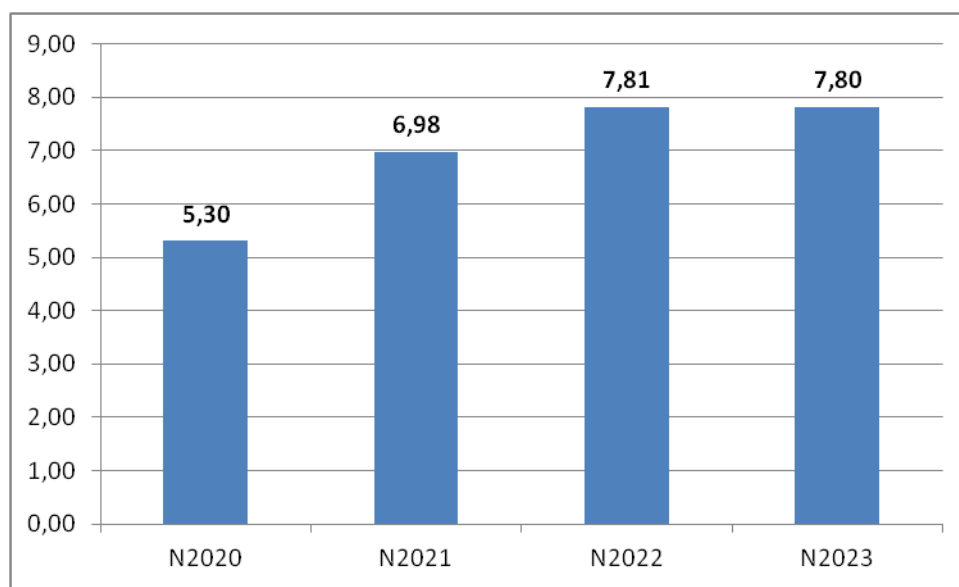
Việt Nam và Philippines duy trì mức tăng trưởng thương mại tích cực trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy thách thức đã khẳng định sự quan tâm chiến lược của hai bên trong việc tăng cường xuất khẩu các mặt hàng chủ lực, như nông sản, thực phẩm chế biến, và các sản phẩm công nghiệp nhẹ.

Đồng thời, đây cũng là minh chứng cho những nỗ lực hợp tác trong việc tháo gỡ các rào cản thương mại, thúc đẩy các cơ chế đối thoại song phương và đa phương để đảm bảo lợi ích chung.

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tổng kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam và Singapore năm 2023 đạt 7,8 tỷ USD, giảm 0,13% so với năm 2022. Trong đó, xuất khẩu đạt 5,15 tỷ USD, tăng 0,97% so với năm 2022; nhập khẩu đạt 2,65 tỷ USD, giảm 2,19% so với năm 2022.

**Biểu đồ 1: Tổng kim ngạch thương mại hai chiều Việt Nam –Philippines giai đoạn 2020-2023**

*Đơn vị tính: Tỷ USD*



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

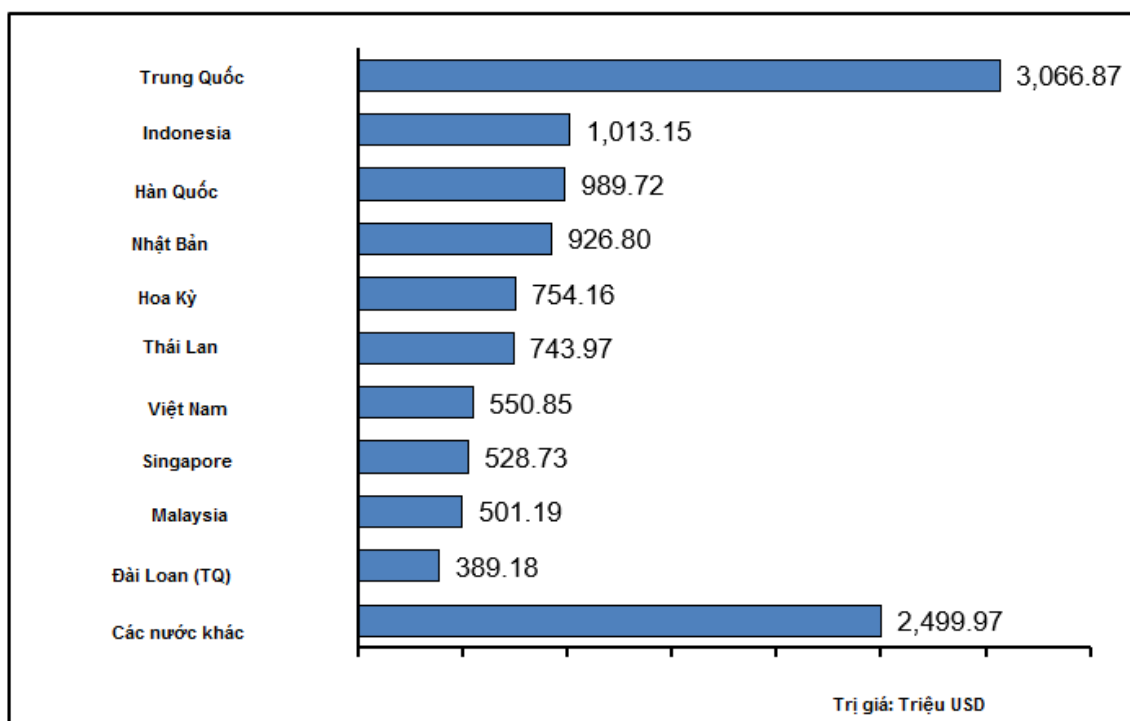
Trong tháng 10/2024, hoạt động nhập khẩu của Philippines tiếp tục phản ánh sự phụ thuộc lớn vào các thị trường khu vực châu Á, đặc biệt là Trung Quốc và Indonesia. Theo số liệu từ Cơ quan Thống kê Philippines, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn nhất vào Philippines với tổng kim ngạch nhập khẩu đạt 3,07 tỷ USD, chiếm tỷ trọng đáng kể trong tổng kim ngạch nhập khẩu của quốc gia này.

Indonesia, đứng thứ hai với 1,01 tỷ USD, duy trì vị thế là một trong những đối tác thương mại chiến lược của Philippines, chủ yếu nhờ vào việc cung cấp các sản phẩm như than đá, dầu cọ và nguyên liệu nông nghiệp. Sự gia tăng nhập khẩu từ Indonesia cũng phản ánh nhu cầu lớn của Philippines đối với các mặt hàng năng lượng và nguyên liệu sản xuất.

Việt Nam, với trị giá hàng hóa xuất khẩu sang Philippines đạt 550,85 triệu USD, đứng thứ 7 trong danh sách các nhà cung cấp hàng hóa lớn nhất. Các sản phẩm chủ lực của Việt Nam như gạo, cà phê, thủy sản và vật liệu xây dựng tiếp tục duy trì sức hút tại thị trường này, nhờ vào chất lượng và giá cả cạnh tranh.

### **Biểu đồ 2: Trị giá nhập khẩu hàng hóa của Philippines từ các thị trường chính trong tháng 10/2024**

*Đơn vị tính: %*



Source: Philippine Statistics Authority

*Nguồn: Cơ quan Thống kê Philippines*

**Bảng 1: Kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng của Việt Nam sang Philippines  
trong tháng 11/2024**

<b>Tên nhóm/mặt hàng</b>	<b>Tháng 11/2024 (Triệu USD)</b>	<b>So với Tháng 10/2024 (%)</b>	<b>So với Tháng 11/2023 (%)</b>	<b>11 Tháng 2024 (Triệu USD)</b>	<b>So với 11 Tháng 2023 (%)</b>	<b>Tỷ trọng 11 Tháng 2024 (%)</b>
Tổng	530,66	-11,68	11,05	5.758,68	22,77	100
Gạo	236,19	-8,38	41,65	2.473,25	57,16	42,95
Hàng hóa khác	66,44	-12,66	12,55	685,38	5,49	11,90
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	29,55	-23,82	1,23	359,82	10,6	6,25
Clanhke và xi măng	33,87	3,03	24,61	299,67	-10,83	5,20
Cà phê	15,45	-21,55	-31,83	250,10	86,03	4,34
Điện thoại các loại và linh kiện	16,67	107,15	60,34	205,96	40,79	3,58
Phương tiện vận tải và phụ tùng	15,46	-28,39	52,23	182,04	-13,56	3,16
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	13,01	-37,38	-28,73	175,90	-2,13	3,05
Hàng dệt, may	16,35	5,54	12,65	123,32	7,15	2,14
Hàng thủy sản	13,13	-23,75	-24,29	98,38	-19,32	1,71
Giày dép các loại	10,73	21,23	4,69	97,43	1,58	1,69

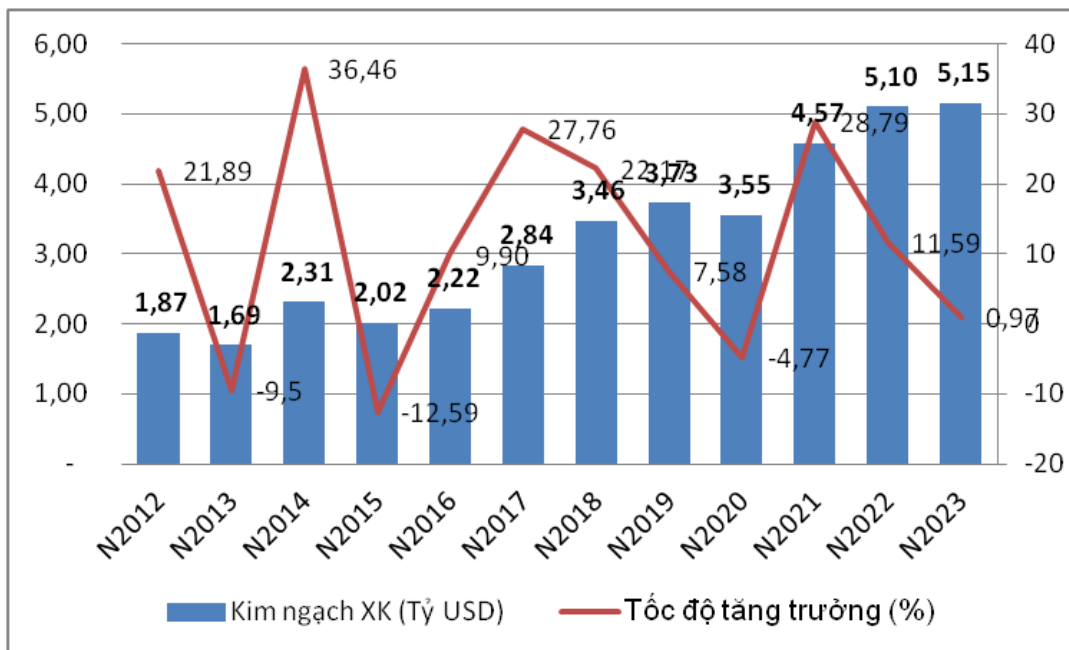
Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 11/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 10/2024 (%)	So với Tháng 11/2023 (%)	11 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 11 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 11 Tháng 2024 (%)
Sắt thép các loại	0,99	43,79	-89,89	93,04	-12,02	1,62
Xơ, sợi dệt các loại	6,48	-15,17	17,25	75,12	-3,81	1,30
Sản phẩm hóa chất	6,00	-32,27	-2,29	73,57	-0,74	1,28
Sản phẩm từ sắt thép	7,96	-2,5	158,28	63,69	84,34	1,11
Sản phẩm từ chất dẻo	6,00	-13,03	0,61	62,35	12,17	1,08
Dây điện và dây cáp điện	6,07	18,35	7,94	59,29	-9,76	1,03
Chất dẻo nguyên liệu	3,90	-33,51	21,1	42,54	63,79	0,74
Phân bón các loại	5,22	-46,16	363,36	41,33	73,04	0,72
Giấy và các sản phẩm từ giấy	3,48	-35,72	23,73	35,15	-8,48	0,61
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	2,31	-38,13	31,63	30,11	14,28	0,52
Hạt tiêu	2,46	-14,08	27,05	30,10	40,05	0,52
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	3,22	-2,16	-11,05	29,22	-10,52	0,51
Máy ảnh, máy quay phim và linh kiện	2,43	-40,79	17,93	27,98	64,75	0,49
Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày	1,66	-52,36	-38,01	27,51	6,8	0,48
Sản phẩm gốm, sứ	2,50	26,89	-0,66	26,30	-16,9	0,46

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 11/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 10/2024 (%)	So với Tháng 11/2023 (%)	11 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 11 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 11 Tháng 2024 (%)
Kim loại thường khác và sản phẩm	0,40	-73,29	-74,87	24,44	-58,31	0,42
Hóa chất	0,30	-53,16	-63,73	15,14	-11,54	0,26
Than các loại	0,00		-100	15,12	23,47	0,26
Hạt điều	1,03	-40,31	-42,75	14,85	-4,87	0,26
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	0,72	-48,46	34,17	9,45	27,56	0,16
Sắt và các sản phẩm từ sắt	0,31	-26,94	-64,2	7,16	-13,72	0,12
Chè	0,28	106,24	-35,49	2,28	0,12	0,04
Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ	0,10	25,58	23,61	1,69	105,9	0,03

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tình hình xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Philippines trong tháng 11/2024 và 11 tháng đầu năm 2024 thể hiện sự tăng trưởng tích cực dù đối mặt với một số biến động ngắn hạn. Trong tháng 11/2024, kim ngạch xuất khẩu đạt 530,66 triệu USD, giảm 11,68% so với tháng trước. Tuy nhiên, mức kim ngạch này vẫn tăng 11,05% so với cùng tháng năm trước, khẳng định vị thế của Việt Nam trong việc cung ứng hàng hóa ổn định và cạnh tranh vào thị trường Philippines. Tính lũy kế 11 tháng năm 2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 5,76 tỷ USD, tăng 22,77% so với cùng kỳ năm trước.

**Biểu đồ 3: Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Philippines trong giai đoạn 2013 – 2023**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Gạo tiếp tục là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang Philippines, đóng vai trò quan trọng trong tổng kim ngạch xuất khẩu. Riêng trong tháng 11/2024, kim ngạch xuất khẩu gạo đạt 236,19 triệu USD, giảm 8,38% so với tháng trước nhưng tăng đáng kể 41,65% so với cùng kỳ năm 2023. Tính chung 11 tháng đầu năm, Việt Nam đã xuất khẩu 2,47 tỷ USD gạo sang Philippines, tăng mạnh 57,16% so với cùng kỳ và chiếm 42,95% tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của Việt Nam. Con số này không chỉ khẳng định tầm quan trọng của gạo trong thương mại song phương mà còn phản ánh nhu cầu ngày càng cao của thị trường Philippines đối với gạo Việt Nam, vốn được đánh giá cao về chất lượng và giá thành cạnh tranh.

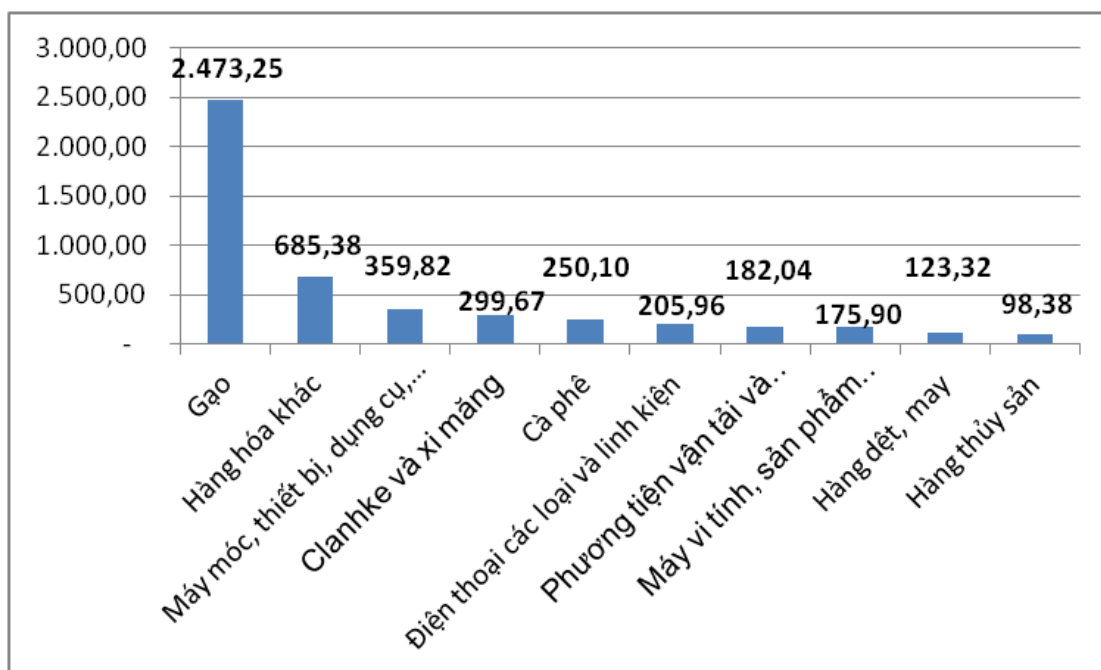
Tăng trưởng xuất khẩu gạo ấn tượng này có được nhờ vào nhiều yếu tố, bao gồm việc Philippines gia tăng nhập khẩu để đảm bảo an ninh lương. Ngoài gạo, các mặt hàng khác như nông sản, thực phẩm chế biến... cũng đóng góp đáng kể vào



tổng kim ngạch xuất khẩu, khẳng định mối quan hệ thương mại đa dạng giữa hai quốc gia.

#### **Biểu đồ 4: Nhóm các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Philippines trong tháng 11/2024**

(ĐVT: Triệu USD)



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 11/2024, Việt Nam đã nhập khẩu từ Philippines tổng 198,19 triệu USD, giảm 10,65% so với tháng trước và giảm 25,5% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 11 tháng năm 2024, Việt Nam đã nhập khẩu từ Philippines tổng 2,28 tỷ USDm giảm 5,02% so với cùng kỳ.

Trong đó, mặt hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện có kim ngạch nhập cao nhất, tương đương trị giá 118,86 triệu USD vào tháng 11/2024, giảm 15,2% so với tháng trước và giảm 32,78% so với cùng tháng năm trước. Lũy kế 11 tháng năm 2024, Việt Nam đã nhập khẩu từ Philippines 1,43 tỷ USD mặt hàng này, giảm 3,7% so với cùng kỳ năm trước, chiếm 62,66% tỷ trọng trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Philippines.

**Bảng 2: Kim ngạch nhập khẩu một số mặt hàng của Việt Nam từ Philippines trong tháng 11/2024**

<b>Tên nhóm/mặt hàng</b>	<b>Tháng 11/2024 (Triệu USD)</b>	<b>So với Tháng 10/2024 (%)</b>	<b>So với Tháng 11/2023 (%)</b>	<b>11 Tháng 2024 (Triệu USD)</b>	<b>So với 11 Tháng 2023 (%)</b>	<b>Tỷ trọng 11 Tháng 2024 (%)</b>
Tổng	198,19	-10,65	-25,5	2.284,40	-5,02	100
Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	118,86	-15,2	-32,78	1.431,34	-3,7	62,66
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	21,07	-18,75	-10,34	253,74	-1,35	11,11
Hàng hóa khác	8,58	-51,39	-70,24	169,26	-33,55	7,41
Kim loại thường khác	23,75	94,59	91,92	148,19	1,71	6,49
Dây điện và dây cáp điện	6,85	-18,47	-22,76	86,64	8,47	3,79
Hàng thủy sản	2,60	-4,23	21,31	35,45	-6,44	1,55
Linh kiện, phụ tùng ô tô	1,75	-33,07	10,54	30,66	77,69	1,34
Bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc	1,56	-22,48	46,21	16,77	22,31	0,73
Chất dẻo nguyên liệu	2,28	6,94	144,54	16,34	31,43	0,72
Sản phẩm từ sắt thép	2,94	335,94	536,29	16,21	120,37	0,71
Sản phẩm từ chất dẻo	1,41	38,5	-28,11	15,99	10,03	0,70
Phế liệu sắt thép	0,45	79,75	23,53	11,28	16,05	0,49
Phân bón các loại	1,97	-9,02	2119,82	10,72	-10,55	0,47

Tên nhóm/mặt hàng	Tháng 11/2024 (Triệu USD)	So với Tháng 10/2024 (%)	So với Tháng 11/2023 (%)	11 Tháng 2024 (Triệu USD)	So với 11 Tháng 2023 (%)	Tỷ trọng 11 Tháng 2024 (%)
Sản phẩm từ kim loại thường khác	0,52	-26,26	-60,27	9,33	85,73	0,41
Thức ăn gia súc và nguyên liệu	0,94	310,72	-37,86	9,02	-41,84	0,39
Sắt thép các loại	0,93	-29,72	343,61	5,46	7,67	0,24
Sản phẩm hóa chất	0,55	73,23	-42,4	5,09	-45,6	0,22
Chế phẩm thực phẩm khác	0,43	-1,8	-60,71	5,02	-50,89	0,22
Nguyên phụ liệu thuốc lá	0,18	-31,44	-88,04	2,55	-57,32	0,11
Sản phẩm từ cao su	0,21	7,3	5,05	2,21	-3,33	0,10
Dược phẩm	0,20	-24,97	61,26	1,56	-1,9	0,07
Giấy các loại	0,03	-25,92	-5,77	0,53	22,4	0,02
Chất thơm, mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh	0,04	70,96		0,44	10,79	0,02
Vải các loại	0,02	-48,17		0,30	83,73	0,01
Sữa và sản phẩm sữa	0,04			0,29	29,43	0,01

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## **II. Đẩy mạnh các hoạt động thúc đẩy xuất khẩu của nước ta sang thị trường Philippines**

Để thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường Philippines trong thời gian tới, các cơ quan quản lý nhà nước cần tiếp tục tăng

cường quan hệ hợp tác song phương giữa hai quốc gia thông qua việc đẩy mạnh các hiệp định thương mại tự do và khuôn khổ hợp tác ASEAN, giúp giảm thiểu các rào cản thuế quan và phi thuế quan, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho hàng hóa Việt Nam tiếp cận thị trường Philippines. Ngoài ra, việc cải thiện cơ sở hạ tầng logistics, đặc biệt là mạng lưới vận tải đường biển, đóng vai trò quan trọng trong việc giảm chi phí vận chuyển và nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam.

Về phía doanh nghiệp, cần chú trọng đa dạng hóa sản phẩm xuất khẩu nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng Philippines. Các doanh nghiệp cần đầu tư vào nghiên cứu thị trường, tìm hiểu kỹ lưỡng về xu hướng tiêu dùng, văn hóa, và chính sách nhập khẩu của Philippines để phát triển các sản phẩm phù hợp. Đồng thời, việc nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua ứng dụng khoa học công nghệ và đạt các tiêu chuẩn quốc tế sẽ giúp hàng hóa Việt Nam xây dựng được uy tín lâu dài tại thị trường này. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần tận dụng triệt để các kênh xúc tiến thương mại, như tham gia hội chợ triển lãm, tổ chức hội thảo kết nối giao thương, và hợp tác với các nhà phân phối lớn tại Philippines nhằm mở rộng mạng lưới phân phối và gia tăng thị phần.

Cuối cùng, sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà nước và doanh nghiệp trong công tác xúc tiến thương mại và đối thoại với các cơ quan quản lý của Philippines sẽ đảm bảo giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh, qua đó duy trì và thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam một cách bền vững và hiệu quả.

Về định hướng hợp tác, phát triển thương mại của hai nước trong thời gian tới: Vào ngày 8/10/2024, nhân dịp dự Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 44, 45 và các Hội nghị cấp cao liên quan, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã hội kiến Tổng thống Philippines Ferdinand Romualdez Marcos Jr.

Tại cuộc gặp, hai nhà lãnh đạo vui mừng trước sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ Đối tác Chiến lược Việt Nam - Philippines thời gian qua trên mọi lĩnh vực; nhất trí đưa quan hệ hai nước tiếp tục đi vào chiều sâu, thực chất, bền vững, lâu dài, đóng góp tích cực cho một Cộng đồng ASEAN vững mạnh, vì hoà bình, ổn định và phát triển bền vững ở khu vực và trên thế giới.

Trao đổi về các trọng tâm hợp tác thời gian tới, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đề nghị hai bên tiếp tục phát huy hiệu quả các cơ chế hợp tác hiện có, nhất là cơ chế Ủy ban hỗn hợp về hợp tác song phương; đẩy mạnh hợp tác nông nghiệp và kinh tế - thương mại tương xứng với tiềm năng của hai nước, mở cửa hơn nữa thị trường cho hàng hoá của nhau, sớm đạt mục tiêu nâng kim ngạch thương mại song phương lên 10 tỷ USD vào năm 2025.